TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÙ ĐĂNG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 64/2018/QĐST-DS	*Bù Đăng, ngày 31 tháng 8 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 20 tháng 8 năm 2018, các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 173/ 2018/ TLST - DS ngày 27/7/2018.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: bà Hoàng Thị T; Sinh năm: 1971

Trú tại: Thôn 4, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn: anh Nguyễn Thanh A; Sinh năm: 1981

Chị Nguyễn Thị H; sinh năm 1985

Cùng trú tại: Thôn 3, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước.

Người có quyền lợi liên quan: ông Hà Văn D; sinh năm 1968

Ủy quyền cho bà Hoàng Thị T, theo văn bản ủy quyền ngày 13/8/2018.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1Anh Nguyễn Thanh A và chị Nguyễn Thị H có trách nhiệm trả cho bà Hoàng Thị T và ông Hà Văn D số tiền gốc đã vay là 120.000.000đ và 1.680.000đ tiền lãi; tổng cộng là 121.680.000đ (Một trăm hai mươi mốt triệu sáu trăm T mươi ngàn đồng); thời gian trả cụ thể như sau:

Ngày 20/10/2018 trả 50.000.000đ; ngày 20/10/2019 trả 35.840.000đ; ngày 20/10/2020 trả 35.840.000đ.

Trong trường hợp anh A và chị H vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì ông D và bà T có quyền yêu cầu thi hành án đối với tất cả các khoản phải thi hành án, đồng thời phải chịu lãi suất tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

2.2 Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.3 Về án phí vụ án: số tiền án phí DSST là 3.042.000đ; anh A và chị H nhận nộp. Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng hoàn trả lại cho bà T là 3.900.000đ số tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp, theo biên lai thu tiền số 0022233, ngày 27/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKS huyện B;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện B
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

LƯU THÙY LINH